

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2022/HNGĐ-ST

Ngày 02-12-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Bùi Thị Nhàn

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Vân A; ĐKTT: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Tường T; ĐKTT: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội X, Phân trại Y, Trại giam N; địa chỉ: Xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt (có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Trương Thị Vân A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Vân A và anh Lê Tường T kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 11 tháng 01 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại

gia đình anh Lê Tường T ở thôn T, xã A. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn ngay sau khi kết hôn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình và bạn bè khuyên ngăn, hòa giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên đến năm 2014, chị Trương Thị Vân A đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở thôn T, xã Đ, sống ly thân với anh Lê Tường T. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh Lê Tường T có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội X, Phân trại Y, Trại giam Nam Hà. Từ đó đến nay, vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị Trương Thị Vân A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Tường T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Thanh T1 - sinh ngày 27 tháng 02 năm 2013. Ly hôn chị Trương Thị Vân A đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do chị Trương Thị Vân A và anh Lê Tường T tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Trương Thị Vân A không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai ngày 02 tháng 11 năm 2022, bị đơn anh Lê Tường T trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, địa điểm vợ chồng chung sống như chị Trương Thị Vân A đã trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn nhưng từ năm 2014, do anh đi làm ăn xa nên vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Năm 2016, anh Lê Tường T bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa xử phạt 11 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện tại đang chấp hành án phạt tù tại Đội X, Phân trại Y, Trại giam Nam Hà. Từ khi anh Lê Tường T đi chấp hành án, năm 2017 chị Trương Thị Vân A có đến thăm gặp anh được 01 lần, từ đó đến nay không đến thăm gặp anh nữa. Nay chị Trương Thị Vân A xin ly hôn, anh Lê Tường T đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị Trương Thị Vân A trình bày là đúng. Ly hôn anh Lê Tường T đồng ý để chị Trương Thị Vân A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; việc cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Tường T và chị Trương Thị Vân A tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh Lê Tường T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận sự thuận

tình ly hôn giữa chị Trương Thị Vân A và anh Lê Tường T. Về con chung, giao con chung Lê Thanh T1 - sinh ngày 27 tháng 02 năm 2013 cho chị Trương Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự tạm thời không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Trương Thị Vân A và anh Lê Tường T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử vụ án và việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Bị đơn, anh Lê Tường T có nơi đăng ký thường trú tại thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện A. Chị Trương Thị Vân A và anh Lê Tường T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Trương Thị Vân A và anh Lê Tường T kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 11 tháng 01 năm 2011. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Trương Thị Vân A và anh Lê Tường T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trương Thị Vân A và anh Lê Tường T.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị Vân A và anh Lê Tường T có 01 con chung Lê Thanh T1 - sinh ngày 27 tháng 02 năm 2013. Ly hôn chị Trương Thị Vân A và anh Lê Tường T đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Trương Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do các đương sự tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy quan điểm các đương sự đưa ra là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được chấp nhận. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung hoặc về tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị Vân A và anh Lê Tường T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trương Thị Vân A và anh Lê Tường T.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thanh T1 - sinh ngày 27 tháng 02 năm 2013 cho chị Trương Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tạm thời không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Vân A phải nộp 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Chị Trương Thị Vân A đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004272 ngày 04 tháng 10 năm 2022) nên trả lại cho chị Trương Thị Vân A 225.000 đồng.

Anh Lê Tường T phải nộp 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã A (ĐKKH số 03/2011);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch